

Ngày 19 Tháng 9 Năm 2011

**DANH SÁCH THÍ SINH  
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NGUYỆN VỌNG 2 (NV2)**

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
(1)	(16)	(17)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
592	Trần Anh	Vũ	18/12/93		NTSA.01013		1	8.25	6.50	5.75	20.50	40.24.00812	01	25-08-2011	- -
359	Cù Việt	Phú	25/12/93		KHAA.21372		2	5.75	6.25	7.25	19.50	30.10.00450	01	29-08-2011	- -
96	Trần Xuân	Dũng	05/11/93		NTSA.00141		2NT	5.75	6.75	6.00	18.50	30.06.01171	01	25-08-2011	- -
223	Đào Trọng	Khánh	24/10/93		NTHA.04031		2	5.00	6.75	6.50	18.50	29.03.00419	01	30-08-2011	- -
300	Phạm Hoài	Nam	20/05/93		CSSA.02380		2NT	6.50	7.25	4.50	18.50	37.02.03708	01	25-08-2011	- -
59	Phạm Văn	Cường	28/12/93		CSHA.00424	06	2	6.75	6.50	4.50	18.00	28.00.00139	01	30-08-2011	- -
60	Trần Duy	Cường	13/06/93		HTCA.01198		1	6.25	6.00	5.50	18.00	12.00.03221	01	15-09-2011	- -
286	Nguyễn Tăng	Mên	15/07/93		KSAA.17679		3	6.00	7.00	5.00	18.00	02.S2.01094	01	29-08-2011	- -
327	Bùi Phú	Nguyễn	21/03/93		KSAA.21097		2	6.75	5.75	5.50	18.00	37.03.00215	01	06-09-2011	- -
405	Nguyễn Ngọc	Son	06/06/93		KTSA.01164		3	6.25	5.75	6.00	18.00	02.01.00006	01	25-08-2011	- -
432	Nguyễn Đình	Thành	04/04/93		QSBA.06611		2	4.25	6.50	7.25	18.00	48.03.00091	01	29-08-2011	- -
534	Nguyễn Ngọc	Tú	02/09/90		NTHA.03535		2NT	6.25	5.25	6.25	18.00	99.qu.00145	01	07-09-2011	- -
219	Ngô Tuấn	Khanh	26/06/93		KSAA.20886		2	6.50	5.75	5.00	17.50	39.05.00129	01	26-08-2011	- -
338	Trần Lê Thanh	Nhân	10/05/92		KSAA.21510		2NT	6.75	5.25	5.50	17.50	37.15.00407	01	09-09-2011	- -
352	Hoàng Nhuận	Phát	13/04/93		QSKA.02605		2	7.50	5.00	4.75	17.50	32.25.00038	01	01-09-2011	- -
430	Võ Văn	Thanh	03/03/93		KSAA.08813		2	5.75	7.25	4.25	17.50	29.14.00120	01	27-08-2011	- -
1	Bùi Đức	An	05/04/89		KTSA.00006		1	6.75	4.50	5.50	17.00	29.53.01157	01	29-08-2011	- -
485	Trần Minh	Tiên	27/06/93		HEHA.01074		2NT	7.25	4.25	5.25	17.00	29.12.00062	01	25-08-2011	- -
486	Bùi Đức	Tín	30/04/93		KTSA.02127		2NT	5.50	5.75	5.50	17.00	37.16.00562	01	27-08-2011	09-09-2011
552	Nguyễn Mạnh	Tuấn	01/11/93		KSAA.13887		1	6.75	5.50	4.75	17.00	40.24.00554	01	06-09-2011	- -
585	Lê Đào Anh	Vũ	24/11/93		KTSA.01713		2	5.75	5.50	5.50	17.00	02.59.00002	01	15-09-2011	- -
45	Nguyễn Quang	Chiến	15/08/93		KTSA.01947		2NT	6.00	5.50	4.75	16.50	35.27.21752	01	30-08-2011	- -
49	Lê Văn	Công	01/12/92		XDAA.10132		2	6.00	5.00	5.50	16.50	30.09.00659	01	13-03-2011	- -
86	Phạm Huỳnh	Đức	08/05/93		XDAA.08831		2NT	4.75	5.50	6.25	16.50	28.84.00838	01	25-08-2011	- -
127	Nguyễn Hoàng	Hải	20/10/92		XDAA.09357		2NT	7.25	3.50	5.75	16.50	29.28.01152	01	26-08-2011	- -
172	Nguyễn Việt	Hoàn	11/02/93		NHSA.02350		2	3.75	6.50	6.00	16.50	31.04.00393	01	06-09-2011	- -
191	Đậu Đình	Hùng	10/04/93		CSSA.01619		1	5.00	6.00	5.25	16.50	40.02.04488	01	05-09-2011	- -
215	Mai Xuân	Khải	10/06/93		YTBA.00658		2NT	6.00	5.00	5.25	16.50	28.66.05083	01	25-08-2011	- -
401	Nguyễn Thanh	Sinh	07/03/93		KSAA.16008		1	5.50	5.50	5.50	16.50	42.36.00843	01	07-09-2011	- -
435	Trần Văn	Thành	09/02/92		SNHA.00290		2NT	5.00	6.25	5.00	16.50	28.16.00015	01	27-08-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
481	Nguyễn Ngọc	Tiên	15/03/93		KSAA.15656		1	4.00	6.50	5.75	16.50	42.32.00794	01	13-09-2011	- -
557	Phạm Minh	Tuân	15/03/93		KSAA.02967		2	3.50	6.50	6.50	16.50	47.13.00010	01	26-08-2011	- -
35	Trần Hoài	Bảo	04/01/93		KTSA.00061		2NT	5.50	6.00	4.50	16.00	49.07.00002	01	14-09-2011	- -
131	Nguyễn Văn	Hải	20/09/93		KSAA.13062		1	5.50	5.00	5.50	16.00	99.TT.00464	01	25-08-2011	- -
182	Phạm Quốc	Hoàng	22/10/93		HEHA.00461		2NT	7.00	4.25	4.50	16.00	27.07.00029	01	26-08-2011	- -
195	Trần Hậu	Hùng	08/03/93		XDAA.10164		2	6.75	5.00	4.00	16.00	30.10.01437	01	29-08-2011	- -
413	Đỗ Hoàng	Tâm	14/07/93		HEHA.00926		2NT	6.25	5.50	4.25	16.00	28.26.00164	01	26-08-2011	- -
423	Nguyễn Văn	Thắng	01/10/92		KTSA.01314		1	6.00	4.75	5.00	16.00	99.99.00187	01	01-09-2011	- -
427	Phạm Văn	Thanh	20/05/90		KTSA.01244		2NT	6.00	5.50	4.25	16.00	98.01.00009	01	15-09-2011	- -
491	Hồ Sỹ	Tinh	05/06/92		SNHA.00321		2NT	5.00	6.25	4.50	16.00	30.12.00040	01	27-08-2011	- -
520	Nguyễn Hữu	Trung	05/06/93		CSHA.03091		2NT	5.75	5.75	4.50	16.00	29.00.00001	01	15-09-2011	- -
536	Nguyễn Tuấn	Tú	10/01/93		QSBA.09912		2	7.75	4.00	4.25	16.00	50.23.23004	01	25-08-2011	- -
564	Nguyễn Thanh	Tùng	05/08/93		CSHA.03385		2NT	5.00	4.50	6.25	16.00	31.00.00023	01	10-09-2011	- -
582	Trần Đình Minh	Vinh	30/03/93		QSBA.13979		2NT	4.75	5.50	5.50	16.00	37.33.01851	01	14-09-2011	- -
9	Kiều Lê Đức	Anh	29/08/93		SNHA.00003		1	5.25	5.50	4.75	15.50	30.10.00034	01	05-09-2011	- -
98	Hoàng Văn	Dương	17/08/91		KTAA.03663		1	5.25	5.75	4.50	15.50	27.03.00146	01	09-09-2011	- -
159	Nguyễn Thị	Hoa	02/04/93	Nữ	DMSA.04106		2NT	5.50	5.00	4.75	15.50	30.13.00961	01	25-08-2011	- -
240	Đỗ Tùng	Lâm	05/02/93		QSKA.01622		2	5.00	4.50	6.00	15.50	02.59.00019	01	29-08-2011	- -
333	Lê Trọng	Nhân	23/04/93		KTSA.02041		1	5.75	4.75	5.00	15.50	37.23.00468	01	10-09-2011	- -
357	Đoàn Ngọc	Phong	26/06/89		KTSA.00977		1	5.00	5.50	4.75	15.50	98.05.00007	01	15-09-2011	- -
360	Nguyễn Trọng	Phú	09/03/93		GHAA.21387		2	6.00	4.75	4.50	15.50	29.03.00343	01	31-08-2011	- -
377	Đỗ Minh	Quang	19/09/93		CSSA.03005		1	5.25	5.50	4.50	15.50	42.02.05349	01	07-09-2011	- -
2	Đào Thanh	An	07/07/93		GHAA.00006		2NT	5.25	4.75	5.00	15.00	26.33.00850	01	29-08-2011	- -
24	Trịnh Ngọc	Anh	16/09/93	Nữ	QSKA.00101		1	3.75	6.50	4.50	15.00	42.45.00227	01	26-08-2011	- -
58	Nguyễn Mạnh	Cường	15/10/91		QHTA.01089		2NT	3.75	6.50	4.50	15.00	99.99.00052	01	25-08-2011	- -
99	Lê Văn	Dương	11/08/93		QSBA.01384	06	2NT	3.75	4.75	6.25	15.00	30.41.00810	01	10-09-2011	- -
115	Hoàng	Giang	20/05/93		GTSA.03888		2	5.50	4.75	4.50	15.00	31.04.00264	01	29-08-2011	- -
221	Phạm Quang	Khanh	22/06/93		DMSA.18030		2	5.00	5.50	4.25	15.00	55.35.00040	01	25-08-2011	- -
258	Võ Vũ	Linh	13/01/93		NHSA.03648		2NT	4.75	5.50	4.50	15.00	49.12.00005	01	06-09-2011	- -
319	Nguyễn Hữu	Ngọc	20/10/93		KTAA.08249	06	2NT	6.25	5.75	2.75	15.00	29.49.00627	01	09-09-2011	10-09-2011
320	Nguyễn Hữu	Ngọc	20/10/93		KTAA.08249	06	2NT	6.25	5.75	2.75	15.00	29.49.00627	01	15-09-2011	- -
525	Vũ Văn	Trung	14/04/93		GHAA.13200		2NT	4.75	4.50	5.50	15.00	28.64.00184	01	26-08-2011	- -
16	Lê Trung Tuấn	Anh	16/04/93		GHAA.20041	06	2	4.50	4.75	5.25	14.50	29.02.00595	01	29-08-2011	- -
105	Nguyễn Đăng Thanh	Duy	13/06/93		GTSA.00032		1	4.50	4.25	5.75	14.50	02.82.00013	01	09-09-2011	- -
177	Lê Văn	Hoàng	09/08/93		GHAA.20735		2NT	5.50	4.50	4.25	14.50	29.78.00426	01	26-08-2011	- -
264	Lê Thành	Long	16/09/93		GHAA.07210		2	3.00	5.50	5.75	14.50	28.30.01444	01	28-08-2011	10-09-2011
277	Nguyễn Văn	Lý	03/05/93		GHAA.21115		1	4.50	5.25	4.75	14.50	99.99.00869	01	31-08-2011	09-09-2011
353	Đào Anh	Phi	15/09/93		GTSA.04639		2NT	4.00	5.25	5.25	14.50	35.20.11313	01	26-08-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
479	Phan Lê Nhật	Tiên	09/11/93	Nữ	GTSA.05201		2	4.50	5.75	4.25	14.50	47.13.00003	01	02-09-2011	10-09-2011
511	Ngô Trí	Triều	08/01/92		GTSA.05316		2NT	4.75	5.00	4.50	14.50	29.28.01156	01	26-08-2011	- -
542	Phạm Đức	Tư	13/07/93		ANSA.01508		1	4.50	5.25	4.50	14.50	63.00.01511	01	30-08-2011	- -
560	Trần Đình	Tuấn	26/09/91		GHAA.13717		2NT	4.25	5.00	5.00	14.50	24.02.01284	01	27-08-2011	- -
57	Nguyễn Hữu Lê Cao	Cường	23/08/93		DDKA.01700		2NT	4.00	4.00	6.00	14.00	32.20.22526	01	26-08-2011	- -
78	Lê Bá	Đông	20/03/93		GHAA.02922		2NT	3.75	5.50	4.50	14.00	28.51.00493	01	26-08-2011	06-09-2011
261	Nguyễn Hữu	Lộc	05/07/93		GTSA.08543		1	4.25	5.50	4.25	14.00	40.18.00392	01	29-08-2011	- -
274	Nguyễn Thanh	Lương	10/03/93		GTSA.14470		1	5.00	4.25	4.50	14.00	34.47.02210	01	05-09-2011	- -
599	Hà Duy	Vỹ	02/09/93		CSHA.03518		1	4.00	5.00	5.00	14.00	31.00.00073	01	30-08-2011	- -
192	Hoàng Bá	Hùng	20/08/93		TDVA.13893		1	5.75	4.75	3.00	13.50	30.17.00017	01	28-08-2011	- -
273	Lê Thị	Lượng	10/09/93	Nữ	GHAA.07480	01	1	2.00	5.25	5.25	12.50	28.41.00286	01	01-09-2011	- -
335	Nguyễn Thành	Nhân	27/09/92		QSBA.13538		2NT	4.50	7.00	5.00	16.50	37.33.00638	02	15-09-2011	- -
447	Bùi Hoàng Trường	Thiên	21/02/93		KSAA.02574		2	7.25	4.75	4.50	16.50	47.13.00008	02	25-08-2011	- -
94	Lê Tiên	Dũng	22/12/93		KHAA.20328		2	5.75	6.25	4.00	16.00	30.10.00428	02	26-08-2011	- -
397	Nguyễn Văn	Sáu	06/08/92		HEHA.00886		2NT	5.00	5.50	5.50	16.00	27.08.00036	02	12-09-2011	- -
407	Nguyễn Tuấn	Sơn	11/10/92		XDAA.10088		1	6.25	6.25	3.25	16.00	30.01.00292	02	13-09-2011	- -
510	Trịnh Minh	Trí	23/01/93		KTAA.07228		2	6.00	5.50	4.50	16.00	01.01.00697	02	15-09-2011	- -
47	Văn Đình	Chính	17/10/91		XDAA.10654		2NT	6.50	4.75	4.25	15.50	99.99.00121	02	27-08-2011	- -
168	Võ Văn	Hoài	07/03/93		KSAA.17741		2	5.00	5.75	4.75	15.50	41.30.01101	02	26-08-2011	- -
175	Lê Như	Hoàng	25/02/92		XDAA.10550		2NT	5.25	5.00	5.00	15.50	99.99.00017	02	13-09-2011	- -
209	Nguyễn Thành	Huy	18/04/92		TMAA.10902		1	3.75	5.50	6.25	15.50	21.02.00107	02	12-09-2011	- -
241	Triệu Tùng	Lâm	08/10/93		NHFA.01038		1	3.50	6.50	5.50	15.50	13.02.08758	02	03-09-2011	- -
276	Nguyễn Thị Thanh	Luyên	07/04/93	Nữ	GTSA.15513		2NT	6.75	5.75	3.00	15.50	35.23.16385	02	09-09-2011	- -
292	Nguyễn Văn	Mỹ	05/12/93		QSBA.04398		2	5.75	4.75	4.75	15.50	32.24.00295	02	31-08-2011	- -
309	Lê Thanh	Nghi	03/03/93		KTAA.05784		2NT	5.50	5.00	4.75	15.50	27.41.00302	02	31-08-2011	- -
324	Trần Duy	Ngọc	24/09/93		KHAA.10101		2	6.50	4.50	4.50	15.50	25.04.02788	02	15-09-2011	- -
43	Lê Minh	Châu	30/10/93		KTSA.00118		1	4.75	5.50	4.50	15.00	47.25.00003	02	12-09-2011	- -
48	Đặng Văn	Chức	11/04/93		GTSA.07848		2	4.50	5.50	5.00	15.00	25.06.00047	02	30-08-2011	- -
55	Nguyễn Công	Cường	01/01/93		GHAA.01472		2	5.25	5.00	4.75	15.00	28.30.01471	02	15-09-2011	- -
126	Phạm Dũng	Hà	12/04/93		DDQA.32542		2	4.50	5.50	5.00	15.00	31.04.19003	02	31-08-2011	- -
254	Tông Thị	Linh	08/03/93	Nữ	GHAA.07063		2NT	7.00	5.00	2.75	15.00	28.59.00253	02	25-08-2011	- -
396	Lê Văn	Sáu	15/01/92		XDAA.07932		2NT	4.25	5.50	5.25	15.00	28.20.00100	02	01-09-2011	- -
402	Bùi Hoàn	Sơn	10/05/90		KTSA.01175		2NT	3.75	5.50	5.50	15.00	98.05.00022	02	30-08-2011	- -
404	Ngô Văn	Sơn	04/11/92		HHKA.01363		2NT	5.75	4.75	4.50	15.00	98.98.00013	02	15-09-2011	- -
425	Nguyễn Xuân	Thăng	12/10/93		KTAA.06756		2NT	6.25	4.50	4.25	15.00	16.51.13423	02	12-09-2011	- -
428	Phùng Văn	Thanh	18/04/93		KSAA.21175		1	4.75	5.50	4.50	15.00	38.22.00255	02	10-09-2011	- -
458	Chu Minh	Thông	30/06/92		GHAA.21815		2NT	6.25	4.50	4.25	15.00	29.60.00000	02	31-08-2011	- -
470	Phạm Quang	Thường	08/01/92		XDAA.07387		2	4.25	6.00	4.50	15.00	27.02.00127	02	07-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
528	Trần Minh	Trường	26/11/93		GTSA.09474		1	4.50	5.00	5.25	15.00	40.50.00472	02	12-09-2011	- -
574	Bùi Cảnh	Việt	27/09/93		DMSA.17058		2	5.75	5.00	4.00	15.00	52.39.00010	02	15-09-2011	- -
590	Nguyễn Hoàng	Vũ	21/04/93		QSBA.08932		2	4.75	5.00	5.00	15.00	47.13.00039	02	30-08-2011	- -
8	Đặng Thị Hà	Anh	25/04/93	Nữ	GHAA.20017		2NT	4.25	5.50	4.50	14.50	30.45.00065	02	25-08-2011	- -
93	Lê Anh	Dũng	05/01/93		GHAA.20324		2	4.50	5.50	4.50	14.50	29.03.00325	02	01-09-2011	- -
100	Mai Văn	Dương	05/06/92		GHAA.02319		2	5.00	4.50	4.75	14.50	25.49.01400	02	25-08-2011	- -
189	Huỳnh	Huệ	20/08/92		GTSA.14392		2NT	4.25	5.75	4.25	14.50	37.00.01428	02	01-09-2011	- -
210	Vũ Văn	Huy	07/06/93		GHAA.05355		2NT	6.25	4.75	3.50	14.50	21.30.00014	02	05-09-2011	- -
278	Nguyễn Văn	Lý	03/05/93		GHAA.21115		1	4.50	5.25	4.75	14.50	99.99.00869	02	09-09-2011	- -
291	Nguyễn Tiên	Mười	04/12/91		HDTA.02491		2NT	3.75	5.00	5.50	14.50	28.22.00648	02	12-09-2011	- -
379	Đình Văn	Quê	29/10/93		CSSA.03039		1	4.50	4.25	5.50	14.50	40.02.04467	02	01-09-2011	- -
437	Bùi Quang Phương	Thảo	07/03/93		CSSA.03475		2NT	5.50	5.50	3.50	14.50	32.00.02312	02	05-09-2011	- -
459	Trần Sỹ	Thông	23/01/93		QSBA.07161		1	4.75	6.25	3.50	14.50	30.02.01246	02	15-09-2011	- -
547	Hoàng Minh	Tuấn	10/05/93		KTAA.08475		2NT	3.75	5.75	4.75	14.50	30.16.00127	02	08-09-2011	- -
566	Lê Mạnh	Tường	03/03/93		GHAA.14353		2	5.75	5.50	3.00	14.50	28.01.00069	02	29-08-2011	- -
575	Đặng Quốc	Việt	29/11/86		SPSA.17369		2	6.50	3.50	4.50	14.50	35.06.02688	02	07-09-2011	- -
5	Mai Ngọc Thiên	An	07/11/93		QSCA.00066		2NT	6.25	4.25	3.25	14.00	30.45.00733	02	25-08-2011	- -
408	Nguyễn Văn	Sơn	07/02/92		SNHA.00268	06	1	5.00	4.50	4.50	14.00	29.15.00069	02	29-08-2011	- -
412	Trần Anh	Tài	01/04/93		GHAA.21630		2	4.00	5.50	4.25	14.00	29.03.00385	02	05-09-2011	- -
449	Đặng Hoàng	Thìn	24/04/93		QSBA.06993		2NT	3.75	5.50	4.50	14.00	49.08.00050	02	29-08-2011	- -
529	Võ Tá	Trường	23/02/93		GTSA.09484		2NT	4.00	5.00	4.75	14.00	52.36.00017	02	12-09-2011	- -
46	Trần Công	Chính	19/12/92		GTSA.07836		2	3.75	4.50	5.00	13.50	31.01.00377	02	02-09-2011	- -
181	Nguyễn Việt	Hoàng	13/10/93		GHAA.04864		2NT	6.00	3.50	3.75	13.50	25.67.00709	02	28-08-2011	- -
269	Đặng Danh	Luân	19/05/93		KTAA.08206		2	4.25	5.50	3.75	13.50	29.03.00445	02	25-08-2011	09-09-2011
294	Đặng Văn	Nam	06/07/92		KPHA.00141		2NT	5.25	3.75	4.50	13.50	28.18.00156	02	25-08-2011	- -
310	Đặng Văn	Nghĩa	16/06/93		GHAA.21229		2NT	4.75	4.50	4.25	13.50	29.80.00206	02	29-08-2011	- -
394	Trần Ngọc	Sáng	05/06/93		HQHA.00772		2NT	4.25	4.50	4.50	13.50	30.06.00155	02	05-09-2011	- -
22	Nguyễn Tuấn	Anh	10/03/91		GHAA.00434	06	2NT	4.00	3.75	5.00	13.00	28.21.00164	02	28-08-2011	- -
38	Thạch Trung	Bình	22/08/93		TDVA.13279		2	5.00	4.50	3.50	13.00	30.11.02661	02	07-09-2011	- -
76	Nguyễn Văn	Đoàn	07/01/93		SNHA.00077	01	1	4.50	4.50	4.00	13.00	23.07.00001	02	08-09-2011	- -
316	Đặng Xuân	Ngọc	01/09/93		GHAA.08578	06	2NT	4.75	4.50	3.50	13.00	25.16.00757	02	25-08-2011	- -
355	Đặng Minh	Phong	27/07/92		DDKA.10084		2NT	2.00	5.25	5.50	13.00	29.54.07503	02	01-09-2011	- -
89	Nguyễn Thị Thảo	Dung	24/05/93	Nữ	KTSA.00187		1	2.75	5.50	4.00	12.50	40.02.00313	02	29-08-2011	09-09-2011
229	Đỗ Quốc	Khiêm	04/04/93		GTSA.16205		2NT	3.50	4.25	4.50	12.50	35.30.24984	02	29-08-2011	- -
424	Nguyễn Văn	Thăng	14/04/93		HCSA.00456		1	2.75	4.25	5.25	12.50	40.15.00808	02	30-08-2011	- -
369	Trần Xuân	Phương	03/07/89		KQSA.01867	03	1	2.00	3.50	4.75	10.50	C2. 00580	02	06-09-2011	10-09-2011
375	Trần Mạnh	Quân	18/03/92		CSHA.02235		1	5.25	5.75	7.25	18.50	18.00.00011	03	15-09-2011	- -
466	Nguyễn Đức	Thuận	08/04/92		GTSA.09284		2	4.50	5.50	5.50	15.50	99.99.00532	03	12-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
550	Nguyễn Đình	Tuấn	13/05/93		GHAA.22085		2	6.00	4.50	5.00	15.50	29.14.00010	03	15-09-2011	- -
13	Lê Kinh Trung	Anh	21/12/92		GHAA.00230		3	7.00	4.50	3.50	15.00	1A.05.00357	03	15-09-2011	- -
130	Nguyễn Thanh	Hải	07/07/93		DDQA.32798		2NT	4.50	5.50	5.00	15.00	31.19.19309	03	06-09-2011	- -
134	Trần Xuân	Hải	22/09/93		DDKA.03695		3	4.00	5.25	5.75	15.00	04.10.71968	03	03-09-2011	- -
186	Vũ Văn	Hội	15/06/93		CSHA.01215		2NT	5.50	5.00	4.50	15.00	19.00.00077	03	25-08-2011	- -
217	Lê Văn	Khang	02/08/93		XDAA.08464		2NT	6.00	6.50	2.50	15.00	28.60.00934	03	08-09-2011	- -
237	Nguyễn Trọng	Lai	15/09/92		GHAA.06609		2NT	6.50	4.75	3.50	15.00	16.01.02069	03	29-08-2011	- -
251	Nguyễn Triệu	Linh	18/05/93		GHAA.07015		3	7.00	4.50	3.50	15.00	1A.02.00483	03	26-08-2011	- -
336	Nguyễn Thanh Vi	Nhân	09/11/93		KTSA.02040		2NT	4.25	5.00	5.50	15.00	37.42.00716	03	15-09-2011	- -
348	Phan Ngọc	Oanh	20/04/93		GHAA.21344		2NT	6.00	5.50	3.50	15.00	30.19.00123	03	05-09-2011	- -
17	Lê Tuấn	Anh	27/11/93		GHAA.00254		1	4.00	5.50	4.75	14.50	08.22.00122	03	15-09-2011	- -
284	Nguyễn Thế	Manh	27/05/93		GHAA.07761		2	4.25	5.50	4.75	14.50	25.04.01954	03	15-09-2011	- -
493	Hoàng Minh	Toàn	05/05/93		GHAA.21921		2NT	5.00	5.50	3.75	14.50	29.85.00513	03	30-08-2011	- -
508	Đoàn Mạnh	Tráng	26/07/93		GHAA.21967		2NT	5.25	5.75	3.50	14.50	29.68.00543	03	10-09-2011	- -
7	Bùi Văn Tuấn	Anh	16/10/93		QSKA.00126		2	5.25	5.00	3.50	14.00	52.39.00004	03	14-09-2011	- -
12	Lê Đức	Anh	25/10/93		QSTA.06837		1	3.00	7.50	3.50	14.00	39.15.00253	03	10-09-2011	- -
25	Võ Ngọc	Anh	16/01/93		GTSA.03493		2	3.75	5.25	4.75	14.00	04.20.00002	03	10-09-2011	- -
50	Ngô Chiến	Công	15/11/85		KHAA.20215		2	5.25	4.50	4.00	14.00	99.99.01499	03	12-09-2011	- -
196	Trịnh Đình	Hùng	22/08/93		GTSA.04143		2NT	2.75	5.75	5.25	14.00	28.94.01031	03	10-09-2011	- -
283	Hoàng Văn	Manh	25/10/93		CSHA.01831		2NT	2.50	3.00	8.25	14.00	29.00.00042	03	15-09-2011	- -
395	Trương Quang	Sáng	01/01/93		QSBA.05962		1	4.25	5.25	4.50	14.00	47.25.00010	03	29-08-2011	- -
446	Phạm Thăng	Thiên	19/11/91		DTTA.12151		1	5.50	6.00	2.50	14.00	98.21.00070	03	13-09-2011	- -
514	Nguyễn Phi	Trình	12/08/93		GTSA.14687		2NT	6.25	4.50	3.00	14.00	37.15.00195	03	05-09-2011	- -
524	Trần Văn	Trung	24/08/93		GHAA.13184		2NT	3.50	5.50	4.75	14.00	25.16.00755	03	09-09-2011	- -
156	Trần Xuân	Hiếu	01/08/93		XDAA.09216		2	5.25	4.50	3.75	13.50	29.07.01963	03	26-08-2011	- -
347	Lê Hồng	Oanh	07/06/92		BKAA.13915		2NT	5.25	4.75	3.50	13.50	30.19.00002	03	07-09-2011	- -
471	Phạm Hoàng	Thương	11/04/93		QSKA.03672		2NT	4.00	5.50	3.75	13.50	99.99.00154	03	14-09-2011	- -
490	Võ Nhật	Tính	04/07/92		KTSA.01456		2NT	4.50	5.00	4.00	13.50	35.05.02372	03	09-09-2011	- -
494	Trần Đức Tiên	Toàn	20/09/93		GTSA.05277		2	4.75	4.50	4.00	13.50	32.16.00041	03	14-09-2011	- -
541	Vũ Ngọc	Tú	04/01/93		GHAA.14330		2NT	5.25	3.50	4.50	13.50	25.67.00201	03	14-09-2011	- -
587	Lê Huỳnh Thanh	Vũ	06/08/92		QSBA.08911		2	3.75	5.50	4.00	13.50	99.99.00228	03	10-09-2011	- -
331	Lê Minh	Nhân	24/01/93		GTSA.08743		2	5.50	4.75	2.50	13.00	53.25.00018	03	08-09-2011	- -
390	Phạm Văn	Quyên	02/02/93		QSBA.13629		2NT	5.00	4.50	3.25	13.00	34.37.00010	03	15-09-2011	- -
496	Lê Quang Gia	Trần	22/11/92		QSBA.07788		1	6.00	3.50	3.50	13.00	47.19.00017	03	09-09-2011	- -
31	Lê Văn	Bằng	05/07/92		LBSA.00129		1	4.00	5.00	3.50	12.50	44.02.00001	03	25-08-2011	- -
34	Phạm Thế	Bảo	07/07/93		TDVA.16115		1	4.25	4.50	3.75	12.50	30.46.00013	03	14-09-2011	- -
66	Nguyễn Tiên	Đàm	08/08/92		CSSA.00755		2NT	3.75	4.00	4.50	12.50	36.02.03375	03	14-09-2011	- -
198	Hồ Hải	Hưng	22/07/93		SPKA.04233		2NT	3.25	5.00	4.25	12.50	48.24.00672	03	01-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
285	Bùi Xuân	Mến	20/07/88		QSBA.04223		1	4.00	3.50	4.50	12.00	98.98.00547	03	13-09-2011	- -
312	Nguyễn Hữu	Nghĩa	13/08/93		SPKA.06258		1	2.50	5.50	3.75	12.00	40.15.00408	03	26-08-2011	- -
388	Nguyễn Văn	Quý	02/09/93		DDKA.11362		1	2.25	5.25	4.50	12.00	30.02.12056	03	25-08-2011	- -
403	Ngô Đình	Sơn	07/11/93		SPKA.15006		1	3.25	4.50	4.00	12.00	37.12.00408	03	14-09-2011	- -
512	Nguyễn Quốc	Triệu	25/08/93		SPKA.10766		1	4.00	3.75	4.00	12.00	47.04.00010	03	04-09-2011	- -
559	Thái Ngọc	Tuân	19/01/93		KSAA.06656		3	3.50	6.25	6.50	16.50	02.08.00053	04	01-09-2011	- -
155	Trần Trọng	Hiếu	10/12/92		QSBA.02327		3	4.25	6.50	4.50	15.50	02.00.00043	04	29-08-2011	- -
385	Nguyễn Ngọc	Quý	15/11/93		GHAA.21525		2	6.75	3.50	5.25	15.50	29.07.00435	04	30-08-2011	- -
535	Nguyễn Thanh	Tú	07/09/93		GHAA.14294		3	4.75	5.25	5.50	15.50	1A.39.00368	04	15-09-2011	- -
3	Lê Văn	An	17/05/93		DDKA.00050		2NT	4.50	6.00	4.50	15.00	32.43.23391	04	29-08-2011	- -
220	Phạm Duy	Khanh	05/10/93		QSBA.13345		2NT	4.50	4.75	5.75	15.00	35.24.18185	04	01-09-2011	09-09-2011
415	Lê Đăng	Tân	01/07/91		GHAA.10653		2NT	5.75	5.00	4.00	15.00	28.15.00915	04	26-08-2011	- -
596	Trần Lê	Vương	22/04/93		QSBA.09017		2NT	5.50	5.00	4.50	15.00	35.17.08550	04	04-09-2011	- -
6	Nguyễn Tiệp	An	06/09/92		GTSA.07759		1	4.50	4.50	5.50	14.50	40.50.00466	04	29-08-2011	- -
85	Nguyễn Việt	Đức	30/08/93		KTAA.04044		2	4.75	5.50	4.25	14.50	99.99.01076	04	15-09-2011	- -
266	Nguyễn Hoàng	Long	22/06/93		DCNA.28335		2	5.00	6.00	3.25	14.50	1A.82.00328	04	15-09-2011	- -
295	Lê Huy	Nam	12/07/93		GHAA.08150		2NT	5.25	4.50	4.50	14.50	28.53.00332	04	12-09-2011	- -
313	Trần Văn	Nghĩa	29/07/92		QSBA.13506		2	3.75	6.00	4.50	14.50	35.08.03190	04	25-08-2011	- -
480	Phan Lê Nhật	Tiên	09/11/93	Nữ	GTSA.05201		2	4.50	5.75	4.25	14.50	47.13.00003	04	15-09-2011	- -
584	Hồ Huy	Vũ	02/09/93		QSBA.08900		2	3.25	5.50	5.50	14.50	45.17.00102	04	25-08-2011	- -
64	Nguyễn Trọng	Đại	15/10/93		DDLA.01900		2NT	6.25	4.50	3.25	14.00	28.76.00825	04	13-09-2011	- -
79	Lê Bá	Đông	20/03/93		GHAA.02922		2NT	3.75	5.50	4.50	14.00	28.51.00493	04	14-09-2011	- -
95	Lưu Đức	Dũng	05/07/93		GTSA.11003		3	5.50	4.25	4.25	14.00	02.13.00003	04	15-09-2011	- -
108	Phan Quang	Duy	10/05/93		GHAA.20304		2	5.50	4.25	4.00	14.00	29.03.00362	04	13-09-2011	- -
293	Bùi Văn	Nam	20/01/92		BKAA.07209		2NT	5.00	4.50	4.50	14.00	28.25.00008	04	08-09-2011	- -
378	Lê Nhựt	Quang	28/01/93		SPKA.07647		2NT	4.75	4.75	4.50	14.00	37.37.00807	04	14-09-2011	- -
389	Phan Chí	Quý	26/09/93		MDA.A.14383		2	5.75	4.75	3.50	14.00	30.10.00629	04	15-09-2011	- -
522	Trần Đình	Trung	30/10/93		DDQA.44234		2NT	5.50	5.00	3.50	14.00	32.43.25008	04	25-08-2011	- -
543	Trần Ngọc	Tứ	01/01/93		DQNA.14658		2NT	2.75	4.50	6.50	14.00	37.36.01072	04	31-08-2011	- -
558	Phan Huy Anh	Tuân	10/12/92		GHAA.22111		2	3.50	5.50	5.00	14.00	29.01.00385	04	15-09-2011	- -
216	Võ Đoàn Minh	Khải	15/01/93		KTSA.02009		2NT	5.25	4.50	3.75	13.50	39.06.00006	04	29-08-2011	- -
250	Nguyễn Phạm Di	Linh	22/12/93		HUIA.43099		2	4.50	4.25	4.50	13.50	34.D4.00889	04	30-08-2011	- -
270	Đặng Danh	Luận	19/05/93		KTAA.08206		2	4.25	5.50	3.75	13.50	29.03.00445	04	09-09-2011	- -
376	Đào Xuân	Quang	16/06/93		KTSA.01078		2	6.25	4.25	3.00	13.50	99.99.00142	04	25-08-2011	- -
440	Phạm Thị Phương	Thảo	16/10/93	Nữ	QSBA.06731		3	4.50	4.75	4.25	13.50	02.57.00077	04	12-09-2011	- -
586	Lê Huỳnh Thanh	Vũ	06/08/92		QSBA.08911		2	3.75	5.50	4.00	13.50	99.99.00228	04	05-09-2011	10-09-2011
82	Nguyễn Đình	Duẩn	20/10/93		SPKA.01318		1	3.25	4.50	5.00	13.00	30.08.00817	04	30-08-2011	- -
227	Phan Tiên	Khánh	05/11/93		GTSA.04248		2NT	4.25	5.25	3.50	13.00	35.30.24945	04	08-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
362	Trần Xuân	Phú	15/08/92		TDVA.03924		1	4.25	4.25	4.50	13.00	29.50.00002	04	06-09-2011	- -
545	Bùi Thanh	Tuấn	17/02/93		DDLA.12047		2	5.25	4.25	3.50	13.00	29.03.00048	04	10-09-2011	- -
549	Nguyễn Anh	Tuấn	14/09/93		GHAA.13560		2	5.00	4.25	3.75	13.00	1B.03.00612	04	15-09-2011	- -
90	Nguyễn Thị Thảo	Dung	24/05/93	Nữ	KTSA.00187		1	2.75	5.50	4.00	12.50	40.02.00313	04	09-09-2011	- -
391	Chu Thị	Quỳnh	24/07/93	Nữ	HUIA.25023		1	2.25	5.50	4.00	12.00	44.14.00009	04	15-09-2011	- -
565	Trần Thanh	Tùng	14/01/93		LPSA.03034		1	2.75	5.50	3.50	12.00	40.10.00282	04	13-09-2011	- -
257	Trần Thị Diệu	Linh	31/08/93	Nữ	KHAA.08134		3	6.25	7.75	5.50	19.50	1A.39.00749	05	15-09-2011	- -
248	Khuong Thị Hoài	Linh	15/03/93	Nữ	TMAA.15036		2NT	6.75	7.00	4.50	18.50	25.67.01858	05	12-09-2011	- -
281	Lê Quỳnh	Mai	09/10/93	Nữ	HTCA.05585		2	7.00	5.75	5.25	18.00	28.30.00431	05	30-08-2011	- -
551	Nguyễn Doãn	Tuấn	02/02/93		TMAA.37464		2NT	7.25	5.25	5.25	18.00	30.07.00083	05	25-08-2011	- -
113	Trương Đình	Gâm	01/02/92		KSAA.21376		2	6.00	6.50	5.00	17.50	39.00.00333	05	29-08-2011	- -
122	Nguyễn Thị	Hà	05/08/92	Nữ	KSAA.14374		2NT	5.25	5.75	6.25	17.50	28.19.00620	05	25-08-2011	- -
23	Trần Tuấn	Anh	14/08/93		QHIA.00517		2NT	6.00	5.75	5.00	17.00	24.62.10521	05	15-09-2011	- -
206	Vũ Thị Thu	Hương	05/09/92	Nữ	KSAA.10414		2NT	5.75	4.75	6.25	17.00	25.66.00217	05	15-09-2011	- -
454	Trần Thị Cẩm	Thơ	12/10/93	Nữ	KSAA.13880		1	7.50	4.25	5.00	17.00	30.29.00555	05	15-09-2011	- -
14	Lê Thị Lan	Anh	18/11/93	Nữ	KSAA.12543		2NT	6.25	6.00	4.00	16.50	29.87.00402	05	31-08-2011	09-09-2011
15	Lê Thị Lan	Anh	18/11/93	Nữ	KSAA.12543		2NT	6.25	6.00	4.00	16.50	29.87.00402	05	13-09-2011	- -
75	Nguyễn Thị Mỹ	Diêu	20/02/93	Nữ	KSAA.09993		1	6.75	5.00	4.50	16.50	42.26.00186	05	14-09-2011	- -
112	Võ Trúc	Duyên	10/09/93	Nữ	KSAA.14615		1	6.50	5.25	4.50	16.50	43.02.00651	05	08-09-2011	- -
132	Phan Đình	Hải	09/06/89		KSAA.17740		1	4.75	6.25	5.25	16.50	30.05.01102	05	06-09-2011	- -
218	Nguyễn Thị Huyền	Khang	03/03/93	Nữ	QSKA.01479		2NT	7.00	5.25	4.25	16.50	29.55.00010	05	29-08-2011	- -
386	Nguyễn Thị	Quý	14/08/93	Nữ	KSAA.19006		2NT	4.75	6.25	5.50	16.50	35.22.14878	05	31-08-2011	01-09-2011
562	Bùi Thanh	Tùng	19/11/93		NHHA.10553	06	2NT	5.00	6.25	5.25	16.50	26.18.00353	05	09-09-2011	- -
576	Lê Quốc	Việt	19/08/93		KSAA.07980		2	5.75	5.25	5.50	16.50	25.04.00088	05	06-09-2011	- -
580	Phùng Văn	Vinh	24/07/93		HEHA.01306		2NT	4.25	6.00	6.25	16.50	22.09.00057	05	15-09-2011	- -
84	Nguyễn Tiên	Đức	08/12/89		KSAA.17554		1	4.75	5.50	5.75	16.00	99.99.01078	05	27-08-2011	- -
259	Bùi Thị	Loan	16/05/93	Nữ	KSAA.16214		1	5.25	6.25	4.50	16.00	30.03.00868	05	25-08-2011	- -
343	Nguyễn Quỳnh	Như	17/06/93	Nữ	NHSA.05204		2NT	5.75	5.50	4.50	16.00	41.24.00348	05	25-08-2011	- -
81	Đặng Thế	Duân	11/04/93		XDAA.10108		2NT	4.25	6.50	4.50	15.50	30.06.00552	05	29-08-2011	- -
133	Trần Thanh	Hải	28/02/91		KTSA.00380		1	5.50	5.25	4.50	15.50	47.00.00001	05	14-09-2011	- -
197	Đỗ Thành	Hưng	20/04/93		GTSA.15439		2NT	3.75	5.75	5.75	15.50	37.33.00612	05	05-09-2011	- -
318	Nguyễn Đăng	Ngọc	05/06/93		QSKA.02275		2NT	6.75	5.75	3.00	15.50	29.30.00446	05	27-08-2011	- -
450	Huỳnh Hồng	Thịnh	12/12/92		KTSA.01340		2	4.00	6.25	5.25	15.50	99.99.00132	05	29-08-2011	- -
537	Phạm Cẩm	Tú	27/05/93	Nữ	GHAA.22162		2	4.50	5.50	5.50	15.50	29.02.00640	05	25-08-2011	06-09-2011
538	Phạm Cẩm	Tú	27/05/93	Nữ	GHAA.22162		2	4.50	5.50	5.50	15.50	29.02.00640	05	15-09-2011	- -
569	Ngô Nguyễn Văn	Tuyên	14/09/93		KSAA.15590		1	3.50	6.25	5.50	15.50	40.22.00783	05	27-08-2011	- -
573	Trần Thị	Vân	16/06/93	Nữ	KSAA.09900		1	6.50	4.75	4.25	15.50	29.32.00177	05	29-08-2011	- -
595	Huỳnh Thị Bích	Vương	11/03/92	Nữ	KSAA.06630		2NT	5.50	5.00	4.75	15.50	37.00.00053	05	08-09-2011	- -

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT			
597	Trần Đức	Vượng	08/09/93				QSBA.09029		2	5.75	4.75	5.00	15.50	52.03.00020	05	26-08-2011	- -
80	Nguyễn Thành	Đông	02/10/92				KTSA.00325		1	4.50	5.25	5.00	15.00	98.11.00004	05	05-09-2011	- -
92	Cao Xuân	Dũng	02/01/91				QHEA.01442		2NT	5.00	5.50	4.50	15.00	28.22.11396	05	01-09-2011	- -
117	Lê Quang	Hà	14/11/93				QSKA.00818		2NT	5.25	5.50	4.25	15.00	25.21.01306	05	06-09-2011	- -
162	Bùi Việt	Hoà	18/04/93				QSKA.04969		1	5.50	6.00	3.50	15.00	38.31.00001	05	15-09-2011	- -
213	Đoàn Văn	Huỳnh	21/03/93				GHAA.05481		2NT	4.00	7.00	4.00	15.00	1B.83.00573	05	05-09-2011	- -
267	Lê Văn	Luân	15/12/90				QSKA.01869		2NT	4.50	6.25	4.00	15.00	28.22.00813	05	26-08-2011	- -
314	Cao Thị	Ngoan	20/05/93	Nữ			KTAA.05790		2NT	5.00	5.00	5.00	15.00	25.28.00626	05	29-08-2011	- -
373	Võ Thị	Phượng	02/10/92	Nữ			NHSA.05809		2NT	6.25	4.50	4.25	15.00	98.21.00047	05	09-09-2011	- -
417	Nguyễn Trọng	Tân	30/04/93				GHAA.10674		2	4.75	5.00	5.25	15.00	25.03.01937	05	03-09-2011	10-09-2011
445	Phạm Văn	Thế	16/04/93				GTSA.15700		1	4.00	6.25	4.50	15.00	38.38.00127	05	09-09-2011	- -
509	Nguyễn Minh	Trí	10/05/93				SPKA.15526		1	4.75	5.50	4.50	15.00	37.28.01195	05	29-08-2011	- -
29	Nguyễn Văn	Ba	11/04/89				KSAA.14403		2NT	6.50	4.75	3.00	14.50	99.99.00621	05	26-08-2011	08-09-2011
37	Nguyễn Văn	Bình	02/02/92				DDQA.30680		2	4.75	4.75	5.00	14.50	30.09.13183	05	26-08-2011	- -
41	Trần Quốc	Cần	01/10/93				SPKA.13622		2NT	4.25	5.00	5.25	14.50	35.30.25598	05	09-09-2011	- -
67	Trần Ngọc	Đạo	06/04/93				GTSA.03789		2NT	4.25	5.50	4.50	14.50	35.30.24942	05	30-08-2011	- -
138	Nguyễn Thị	Hằng	02/07/92	Nữ			DMSA.19004		1	4.25	4.50	5.50	14.50	38.16.00536	05	30-08-2011	- -
158	Võ Minh	Hiếu	07/01/93				SPKA.03010		2	4.25	5.50	4.75	14.50	48.16.00409	05	26-08-2011	- -
161	Nguyễn Thị Xuân	Hoa	18/07/93	Nữ			GHAA.20689		2	4.75	6.00	3.50	14.50	29.03.00386	05	27-08-2011	- -
207	Lương Văn	Hương	10/02/88				GTSA.08352		2NT	4.75	5.25	4.25	14.50	98.22.00015	05	09-09-2011	- -
214	Lưu Văn	Khải	26/03/92				GTSA.15454		2NT	4.00	4.75	5.50	14.50	37.31.02193	05	27-08-2011	- -
246	Đan Hạnh	Linh	23/11/93	Nữ			GHAA.06862		1	4.00	5.00	5.25	14.50	09.08.00956	05	25-08-2011	- -
304	Lê Thị Quỳnh	Nga	18/05/93	Nữ			KSAA.13186		2NT	3.25	5.50	5.50	14.50	41.09.00480	05	14-09-2011	- -
436	Trần Văn	Thành	28/10/92				GTSA.09157		1	3.00	5.75	5.50	14.50	99.99.00571	05	01-09-2011	- -
453	Hoàng Thị	Thơ	24/04/93	Nữ			DTTA.12454		1	4.25	5.25	5.00	14.50	42.49.00193	05	06-09-2011	- -
488	Đặng Chánh	Tín	19/10/93				KSAA.11896		2NT	4.25	4.50	5.50	14.50	56.00.00343	05	26-08-2011	- -
516	Hồ Lê Thanh	Trúc	04/02/93	Nữ			CSSA.04220		2	6.25	4.00	4.25	14.50	41.02.05240	05	30-08-2011	- -
561	Vũ Anh	Tuấn	03/11/93				GHAA.13757		2NT	7.00	3.50	4.00	14.50	28.94.00316	05	25-08-2011	- -
601	Ngô Thị	Xuân	01/10/93	Nữ			DCNA.56145	06	2NT	5.50	4.00	5.00	14.50	25.67.00593	05	25-08-2011	- -
11	Lê Đức	Anh	25/10/93				QSTA.06837		1	3.00	7.50	3.50	14.00	39.15.00253	05	25-08-2011	10-09-2011
88	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	08/06/93	Nữ			KSAA.11522		1	5.75	3.50	4.50	14.00	40.43.00309	05	26-08-2011	- -
118	Lê Thị	Hà	26/03/93	Nữ			TTNA.11667		1	2.75	6.50	4.50	14.00	40.49.00893	05	07-09-2011	- -
163	Trần Quốc	Hoà	02/08/92				GHAA.20697		2NT	4.00	4.50	5.50	14.00	30.15.00215	05	26-08-2011	- -
179	Nguyễn Đình	Hoàng	05/05/93				GTSA.04078		2NT	4.50	3.75	5.50	14.00	30.14.00883	05	25-08-2011	09-09-2011
302	Hồ Thị Minh	Nga	10/10/93	Nữ			SGDA.07786		2NT	6.25	5.00	2.50	14.00	35.27.21986	05	29-08-2011	08-09-2011
345	Phan Thị	Nhung	15/05/92	Nữ			KSAA.10723		2NT	4.00	4.50	5.25	14.00	29.53.00241	05	29-08-2011	- -
380	Bùi Văn Nhân	Quý	17/03/93				QSBA.05730		2	5.00	5.00	3.75	14.00	50.41.41002	05	29-08-2011	05-09-2011
381	Đới Xuân	Quốc	18/02/93				GHAA.09832		2NT	5.75	3.50	4.75	14.00	28.87.00350	05	29-08-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
438	Đào Thị	Thảo	03/03/93	Nữ	GHAA.21710		2NT	5.50	4.50	4.00	14.00	29.44.00350	05	26-08-2011	- -
523	Trần Văn	Trung	24/08/93		GHAA.13184		2NT	3.50	5.50	4.75	14.00	25.16.00755	05	30-08-2011	09-09-2011
556	Phạm Đình	Tuấn	08/03/93		GTSA.05475		2NT	4.25	4.25	5.25	14.00	28.79.00910	05	29-08-2011	- -
63	Lê Tân	Đại	20/06/92		GTSA.07987		1	3.75	5.25	4.50	13.50	98.21.00087	05	25-08-2011	- -
65	Võ Văn	Đại	01/01/91		GTSA.03777		1	3.75	5.75	4.00	13.50	99.99.00262	05	06-09-2011	- -
70	Võ Vinh	Đạt	16/02/92		GHAA.20420	06	2NT	3.75	5.25	4.50	13.50	29.86.00038	05	06-09-2011	- -
152	Dương Thị Ngọc	Hiếu	12/04/93	Nữ	SGDA.03689		1	4.75	4.00	4.75	13.50	47.07.00006	05	06-09-2011	- -
170	Ngô Thị	Hoàn	26/06/93	Nữ	QSTA.04030		2NT	5.00	4.75	3.75	13.50	28.68.00989	05	05-09-2011	09-09-2011
354	Trần Trọng	Phi	14/01/93		DDKA.10044		1	3.75	5.50	4.25	13.50	31.39.18305	05	26-08-2011	- -
451	Võ Công	Thịnh	02/11/93		DTTA.18226		1	3.75	5.25	4.50	13.50	38.02.00679	05	25-08-2011	- -
555	Nguyễn Xuân	Tuấn	10/10/93		GHAA.22109		2NT	4.50	6.25	2.50	13.50	29.62.00515	05	29-08-2011	- -
602	Võ Thê	Xuân	01/01/92		KSAA.22408	06	2NT	4.50	6.00	3.00	13.50	34.33.01417	05	27-08-2011	- -
119	Lê Thị	Hà	22/07/93	Nữ	GTSA.12255		2NT	4.75	4.50	3.75	13.00	99.99.00790	05	29-08-2011	09-09-2011
169	Ninh Văn	Hoan	25/09/93		GHAA.04615		2NT	4.25	4.75	3.75	13.00	25.44.01475	05	29-08-2011	09-09-2011
290	Võ Thanh	Minh	05/09/93		GTSA.16513		2NT	4.50	4.00	4.25	13.00	39.02.00404	05	25-08-2011	- -
364	Lê Hữu	Phước	01/05/93		GTSA.16544		2NT	3.50	5.25	4.00	13.00	37.42.00310	05	27-08-2011	- -
501	Ngô Thị Thuỳ	Trang	18/07/93	Nữ	DDQA.43671	06	1	3.00	5.50	4.50	13.00	38.13.53536	05	25-08-2011	- -
571	Nguyễn Thị Thu	Tuyền	11/01/93	Nữ	HHKA.02361		2NT	4.75	4.25	4.00	13.00	37.16.01066	05	25-08-2011	05-09-2011
282	Nguyễn Thị	Mai	02/05/92	Nữ	GTSA.12416		1	3.25	4.50	4.75	12.50	42.62.00157	05	05-09-2011	- -
442	Trần Thị Thanh	Thảo	13/12/93	Nữ	KSAA.17395		1	3.00	4.00	5.25	12.50	42.21.01049	05	25-08-2011	- -
235	Nguyễn Văn	Kiệt	20/08/92		CSSA.01927		1	5.00	6.50	7.50	19.00	40.02.04494	06	08-09-2011	- -
337	Trần Hải	Nhân	20/06/93		CSHA.02059		2NT	5.75	6.00	7.25	19.00	31.00.00008	06	06-09-2011	- -
42	Thới Nam	Cao	02/10/92		KTSA.00107		2NT	6.00	5.75	6.25	18.00	99.99.00363	06	29-08-2011	- -
166	Nguyễn Thanh	Hoài	18/05/93		KSAA.02915		2	5.25	7.00	5.75	18.00	52.09.00010	06	31-08-2011	- -
330	Lai Thành	Nhân	26/01/93		KTSA.00898		2	7.50	5.75	4.75	18.00	02.65.00001	06	30-08-2011	- -
157	Trịnh Trung	Hiếu	08/06/93		KTSA.00414		3	6.00	5.50	5.75	17.50	02.S2.00077	06	29-08-2011	- -
263	Đoàn Thị	Long	10/10/93	Nữ	QSKA.05118		2NT	6.25	5.50	5.50	17.50	34.23.00092	06	10-09-2011	- -
271	Hồ Văn	Luôn	02/02/93		QSBA.13454		2NT	6.75	5.75	5.00	17.50	39.02.00035	06	25-08-2011	- -
339	Đặng Thanh	Nhân	27/08/93		KTSA.02047		2NT	6.00	6.50	5.00	17.50	39.06.00007	06	08-09-2011	- -
399	Nguyễn Quang	Sĩ	15/06/93		KSAA.19069		2NT	5.50	6.25	5.50	17.50	35.24.17950	06	29-08-2011	- -
39	Trần Thái	Bình	15/04/92		KTSA.00089		2NT	5.00	5.75	6.25	17.00	98.05.00011	06	14-09-2011	- -
54	Hoàng Minh	Cường	26/05/93		QSBA.00905		2NT	7.25	5.00	4.50	17.00	35.18.09676	06	25-08-2011	- -
62	Đỗ Trường	Đại	17/09/92		KTSA.01774		1	5.00	6.50	5.50	17.00	61.01.00009	06	26-08-2011	- -
69	Nguyễn Văn	Đạt	22/09/91		KTSA.01971		1	5.00	6.25	5.50	17.00	37.28.00901	06	29-08-2011	- -
199	La Thanh	Hưng	15/02/93		CSSA.01697		1	6.75	5.00	5.25	17.00	47.02.06665	06	09-09-2011	- -
242	Nguyễn Vĩnh Kim	Lân	25/09/93		KTSA.00710		1	6.00	5.75	5.25	17.00	47.19.00001	06	12-09-2011	- -
243	Hoàng Công	Lãnh	14/05/93		KSAA.13604		1	6.75	4.50	5.50	17.00	43.20.00518	06	06-09-2011	- -
262	Nguyễn Tân	Lợi	12/07/93		KSAA.19086		2NT	5.25	5.50	6.00	17.00	35.27.21737	06	30-08-2011	- -

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
288	Lê Minh	01/09/93		KTSA.00818		2NT	4.00	6.75	6.00	17.00	53.19.00001	06	01-09-2011	- -
340	Hàng Trung Nhật	26/11/93		KTSA.00926		2NT	4.00	6.25	6.75	17.00	41.45.00073	06	26-08-2011	- -
484	Phan Phước Tiên	20/10/93		QSBA.07453		1	7.50	6.00	3.50	17.00	40.09.00873	06	31-08-2011	- -
487	Bùi Đức Tín	30/04/93		KTSA.02127		2NT	5.50	5.75	5.50	17.00	37.16.00562	06	09-09-2011	- -
578	Đặng Toàn Vinh	15/07/93		KSA.A.21258		2	6.50	6.00	4.25	17.00	39.01.00277	06	26-08-2011	- -
583	Đặng Ngọc Hoàng Vũ	15/12/93		KTSA.02183		2NT	6.25	6.00	4.75	17.00	37.26.00131	06	30-08-2011	- -
594	Dương Hải Vương	28/05/93		KTSA.02187		1	5.25	6.50	5.00	17.00	36.30.00002	06	01-09-2011	- -
33	Lê Thái Bảo	20/08/92		KTSA.01938		1	6.75	5.25	4.50	16.50	37.28.00902	06	26-08-2011	- -
61	Trần Nhật Cường	05/12/93		QSBA.00980		2NT	5.25	5.50	5.75	16.50	31.19.01311	06	29-08-2011	- -
107	Phạm Thanh Duy	24/03/93		SPSA.03330		2	5.25	4.75	6.25	16.50	52.01.00008	06	26-08-2011	- -
165	Nguyễn Đức Hòa	03/07/92		QSBA.02638		1	5.50	4.50	6.25	16.50	99.99.00696	06	29-08-2011	- -
173	Hồ Sĩ Hoàng	31/10/92		KTAA.04654		2NT	8.00	4.50	3.75	16.50	28.25.01096	06	04-09-2011	- -
188	Nguyễn Văn Huân	20/10/93		XDAA.09603		2NT	5.75	5.50	5.25	16.50	29.55.00012	06	29-08-2011	- -
253	Quách Trọng Nhật Linh	14/02/93		KTSA.00727		1	5.75	5.25	5.50	16.50	40.12.01154	06	31-08-2011	- -
298	Nguyễn Văn Nam	10/10/93		KTSA.01835		1	5.00	5.75	5.50	16.50	57.05.00007	06	31-08-2011	- -
299	Nguyễn Văn Nam	22/01/92		KTSA.00828	06	2NT	5.50	4.75	6.00	16.50	29.60.00000	06	31-08-2011	- -
420	Trần Đình Tân	21/04/92		QSBA.06388		2NT	5.00	5.25	6.00	16.50	30.09.00952	06	29-08-2011	- -
422	Lê Văn Thân	22/09/92		KTAA.06520		2NT	6.75	5.00	4.50	16.50	28.22.00305	06	26-08-2011	- -
465	Nguyễn Văn Thụ	05/04/92		KTSA.01403		2NT	4.75	6.00	5.50	16.50	35.05.02370	06	26-08-2011	- -
153	Nguyễn Phương Hiếu	11/12/93	Nữ	SPKA.03099		2	5.75	5.50	4.50	16.00	02.61.00144	06	30-08-2011	08-09-2011
164	Trịnh Xuân Hoà	10/01/92		KTAA.04627		2NT	4.25	6.50	5.00	16.00	28.17.00701	06	26-08-2011	- -
174	Hồ Văn Hoàng	06/01/93		HEHA.00447		1	5.75	4.50	5.75	16.00	29.06.00048	06	27-08-2011	- -
296	Nguyễn Hoàng Nam	07/12/93		KTSA.01838		1	5.00	5.75	5.25	16.00	54.02.00010	06	27-08-2011	- -
297	Nguyễn Thành Nam	19/02/93		KSA.A.21672		1	5.25	4.25	6.50	16.00	37.23.00544	06	26-08-2011	- -
308	Hoàng Công Ngân	08/01/90		QSBA.04529		2	4.50	6.75	4.50	16.00	98.98.00187	06	13-09-2011	- -
326	Nguyễn Văn Ngự	02/06/92		XDAA.07442		2NT	5.50	6.00	4.25	16.00	27.07.00423	06	26-08-2011	- -
346	Nguyễn Minh Nhật	07/03/93		QSBA.05060		2	5.00	6.25	4.75	16.00	50.41.41014	06	26-08-2011	05-09-2011
383	Hồ Hoàng Bảo Quý	26/02/93		KTSA.01118		2	5.25	6.25	4.25	16.00	02.59.00003	06	26-08-2011	- -
384	Huỳnh Ngọc Quý	12/08/93		KTSA.01117		2	5.75	6.50	3.50	16.00	02.S2.00069	06	25-08-2011	01-09-2011
406	Nguyễn Thọ Sơn	21/05/92		CSHA.02448		2NT	4.50	5.50	5.75	16.00	29.00.00151	06	26-08-2011	- -
419	Nguyễn Việt Tân	19/05/93		GTSA.09094		2	4.00	6.00	5.75	16.00	52.09.00012	06	06-09-2011	- -
448	Võ Quang Thiệu	01/03/92		KTSA.01335		2NT	4.75	5.50	5.50	16.00	99.99.00490	06	01-09-2011	- -
460	Võ Hoài Thông	06/12/93		KTSA.01371		1	5.25	5.50	5.00	16.00	56.44.00064	06	29-08-2011	- -
570	Lê Quang Tuyền	28/03/93		KTSA.01625		2NT	6.50	5.50	4.00	16.00	48.25.00035	06	29-08-2011	10-09-2011
579	Nguyễn Thành Vinh	10/06/92		KSA.A.09540		2NT	5.75	5.75	4.50	16.00	29.28.00151	06	27-08-2011	09-09-2011
581	Trần Đình Minh Vinh	30/03/93		QSBA.13979		2NT	4.75	5.50	5.50	16.00	37.33.01851	06	25-08-2011	07-09-2011
593	Trần Tuấn Vũ	16/10/93		QSBA.08978		2NT	5.25	4.50	6.25	16.00	41.43.00280	06	25-08-2011	- -
32	Đình Duy Bảo	18/12/93		KTSA.00075	01	3	4.50	6.75	4.25	15.50	02.S2.00248	06	29-08-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
68	Lê Thành Đạt	01/03/93			KSAA.21664		1	6.00	5.00	4.50	15.50	37.25.00559	06	30-08-2011	- -
97	Hoàng Văn Dương	17/08/91			KTAA.03663		1	5.25	5.75	4.50	15.50	27.03.00146	06	26-08-2011	09-09-2011
146	Lê Văn Hào	19/12/93			SPKA.02749		3	5.75	5.00	4.50	15.50	02.28.00001	06	25-08-2011	- -
208	Nguyễn Bắc Huy	24/01/93			KSAA.17857		2	5.25	5.50	4.50	15.50	41.30.01122	06	29-08-2011	06-09-2011
224	Lê Bá Khánh	16/05/92			QSBA.03255		2NT	4.75	5.75	5.00	15.50	99.99.00423	06	29-08-2011	- -
232	Nguyễn Hoàng Khôi	08/03/93			KTSA.00672		1	5.50	4.50	5.50	15.50	40.02.00308	06	28-08-2011	- -
236	Trương Đức Kiệt	29/01/93			KTSA.00689	01	2NT	5.25	5.50	4.75	15.50	45.04.00039	06	26-08-2011	- -
275	Nguyễn Thị Thanh Luyện	07/04/93	Nữ		GTSA.15513		2NT	6.75	5.75	3.00	15.50	35.23.16385	06	31-08-2011	09-09-2011
332	Lê Trọng Nhân	23/04/93			KTSA.02041		1	5.75	4.75	5.00	15.50	37.23.00468	06	26-08-2011	10-09-2011
356	Đoàn Ngọc Phong	26/06/89			KTSA.00977		1	5.00	5.50	4.75	15.50	98.05.00007	06	31-08-2011	09-09-2011
363	Nguyễn Văn Phúc	25/05/93			CSSA.02870		1	5.25	5.25	5.00	15.50	40.02.04458	06	28-08-2011	- -
400	Hồ Đăng Sinh	03/01/92			QSBA.05974	06	2NT	5.25	5.25	4.75	15.50	32.23.00263	06	26-08-2011	- -
467	Nguyễn Văn Thuận	11/02/93			GTSA.15724		2NT	4.75	4.50	6.25	15.50	37.10.00505	06	25-08-2011	- -
544	Nguyễn Phan Mạnh Tuấn	20/05/93			KTSA.01583		1	3.25	6.75	5.25	15.50	48.29.00040	06	30-08-2011	- -
10	Lê Đức Anh	22/01/93			KTAA.03143		3	4.50	5.25	5.25	15.00	03.08.00922	06	26-08-2011	- -
72	Trần Quang Diễm	10/10/93			GTSA.15291		2NT	3.50	6.75	4.50	15.00	37.32.00622	06	30-08-2011	- -
103	Lê Trần Duy	01/10/93			GTSA.07915		1	4.50	4.75	5.50	15.00	48.64.00638	06	26-08-2011	- -
129	Nguyễn Thanh Hải	07/07/93			DDQA.32798		2NT	4.50	5.50	5.00	15.00	31.19.19309	06	26-08-2011	06-09-2011
231	Nguyễn Văn Khoa	06/09/93			GTSA.08427		1	4.75	6.00	4.00	15.00	40.08.00017	06	28-08-2011	- -
289	Trần Đức Minh	28/09/93			KTSA.00801		1	4.75	5.00	5.25	15.00	42.21.00078	06	31-08-2011	- -
351	Phạm Văn Phái	08/08/93			CSSA.02726		1	4.50	6.50	3.75	15.00	37.02.03719	06	31-08-2011	- -
410	Hà Đức Tài	10/07/93			KSAA.13640		1	4.25	6.25	4.50	15.00	31.11.00521	06	28-08-2011	- -
444	Phạm Văn Thê	16/04/93			GTSA.15700		1	4.00	6.25	4.50	15.00	38.38.00127	06	26-08-2011	09-09-2011
526	Lê Nhật Trường	03/01/93			SPKA.15604		1	6.50	3.50	5.00	15.00	37.25.00799	06	01-09-2011	- -
527	Trần Minh Trường	26/11/93			GTSA.09474		1	4.50	5.00	5.25	15.00	40.50.00472	06	30-08-2011	09-09-2011
553	Nguyễn Minh Tuấn	05/04/93			GTSA.09540		1	4.50	5.00	5.25	15.00	47.26.00003	06	29-08-2011	- -
589	Nguyễn Đăng Vũ	11/02/92			NHSA.09234		1	5.00	4.75	5.00	15.00	99.99.00398	06	01-09-2011	- -
591	Nguyễn Ngọc Linh Vũ	15/09/93			SPKA.15840		2NT	4.25	5.50	5.25	15.00	37.34.00874	06	29-08-2011	- -
21	Nguyễn Thiện Anh	18/06/92			GTSA.07729		1	3.75	6.00	4.50	14.50	99.99.00552	06	26-08-2011	- -
73	Trần Minh Diễm	17/04/93			GTSA.08032		1	5.25	4.50	4.50	14.50	56.47.00201	06	31-08-2011	10-09-2011
150	Nguyễn Hồng Hiên	10/10/93			DDQA.33521		1	4.00	4.75	5.75	14.50	63.06.63259	06	31-08-2011	09-09-2011
194	Phạm Lý Hùng	20/05/93			DTTA.04776		2NT	5.00	4.75	4.50	14.50	33.19.00005	06	25-08-2011	- -
301	Phan Xuân Nam	20/04/93			GTSA.08657		1	5.75	4.50	4.00	14.50	29.74.00460	06	05-09-2011	- -
361	Nguyễn Xuân Phú	24/11/93			DMSA.10170		1	4.75	5.25	4.50	14.50	43.06.00024	06	29-08-2011	- -
374	Nguyễn Văn Quân	12/03/93			SPKA.07781		2	5.75	4.00	4.75	14.50	52.02.00011	06	25-08-2011	- -
104	Ngô Thê Duy	24/10/93			KTSA.00191		1	4.75	5.00	4.00	14.00	43.18.00448	06	27-08-2011	- -
145	Trần Văn Hạnh	21/03/93			KSAA.18453		1	2.75	5.50	5.50	14.00	63.09.01279	06	20-08-2011	- -
311	Lê Văn Nghĩa	22/09/92			KSAA.03586		1	4.75	4.75	4.50	14.00	98.11.00014	06	15-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
334	Nguyễn Đình	Nhân	23/01/93		QSBA.04853		1	4.50	5.25	4.25	14.00	30.03.00895	06	26-08-2011	- -
409	Dương Văn	Tài	12/10/93		TMAA.36839		2NT	5.25	4.50	4.00	14.00	99.99.02856	06	29-08-2011	- -
421	Lê Công	Thái	03/01/93		DDKA.12840		2NT	2.50	4.50	6.75	14.00	31.33.17886	06	26-08-2011	- -
492	Dương Minh	Toàn	10/07/93		QSBA.13841		1	4.75	5.50	3.50	14.00	37.47.00147	06	25-08-2011	- -
554	Nguyễn Tri	Tuân	23/12/93		QSBA.08342		1	5.00	4.25	4.50	14.00	36.30.00004	06	25-08-2011	07-09-2011
44	Đàm Minh	Chiên	06/06/93		KTSA.00127	01	1	4.25	4.50	4.50	13.50	40.06.00273	06	27-08-2011	- -
53	Chu Lê Vĩnh	Cường	04/10/92		QSBA.00890		1	5.00	4.00	4.50	13.50	42.00.00270	06	30-08-2011	- -
154	Nguyễn Vinh	Hiếu	20/07/93		CSSA.01281	01	1	4.25	4.50	4.50	13.50	40.02.04408	06	28-08-2011	- -
193	Lê Mạnh	Hùng	14/03/93		DDKA.05981		1	3.75	5.25	4.50	13.50	38.38.53223	06	26-08-2011	- -
228	Trần Đăng	Khánh	22/07/93		GTSA.08383		1	3.75	7.25	2.25	13.50	47.19.00001	06	29-08-2011	- -
358	Nguyễn Quang	Phòng	22/05/89		KSAA.10069	03	1	5.00	5.00	3.00	13.00	40.08.00191	06	03-09-2011	- -
431	Đặng Bá	Thành	11/11/85		KTAA.06633	04	1	4.50	3.50	4.75	13.00	42.E2.00001	06	30-08-2011	- -
26	Vũ Tuấn	Anh	03/10/93		ANSA.00041	01	1	2.75	4.50	4.00	11.50	40.01.00662	06	01-09-2011	- -
201	Nguyễn Thị Diễm	Hương	12/03/93	Nữ	TMAA.35928		2NT	5.25	7.75	4.50	17.50	30.45.00640	07	26-08-2011	- -
317	Đào Thị	Ngọc	20/02/93	Nữ	KSAA.16963		2	6.00	6.00	4.75	17.00	48.43.00979	07	26-08-2011	- -
367	Phạm Thị Thu	Phuong	26/05/93	Nữ	KSAA.18497		2NT	6.00	5.50	5.50	17.00	25.21.01296	07	13-09-2011	- -
398	Lê Thị	Sen	05/08/93	Nữ	NHHA.07878		2	4.75	6.50	5.50	17.00	16.82.00147	07	25-08-2011	- -
498	Cao Thị Huyền	Trang	15/09/93	Nữ	NHSA.07824		2	5.00	6.50	5.25	17.00	99.99.00011	07	08-09-2011	- -
387	Nguyễn Thị	Quý	14/08/93	Nữ	KSAA.19006		2NT	4.75	6.25	5.50	16.50	35.22.14878	07	01-09-2011	- -
141	Trần Thủy	Hằng	08/11/92	Nữ	KSAA.12454		2	5.75	5.50	4.50	16.00	31.01.00395	07	29-08-2011	- -
185	Vũ Nhật	Hoàng	19/05/92		KHAA.05600		2NT	6.25	5.25	4.50	16.00	28.25.01046	07	06-09-2011	- -
272	Ngô Thị	Lương	02/04/92	Nữ	KSAA.10120		2NT	5.25	6.25	4.50	16.00	98.21.00195	07	13-09-2011	- -
322	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	13/05/93	Nữ	NHSA.04671		1	4.25	6.25	5.50	16.00	40.11.01173	07	01-09-2011	- -
434	Tông Tất	Thành	23/05/93		KTSA.01274		1	4.75	5.50	5.50	16.00	63.06.00500	07	29-08-2011	- -
513	Nguyễn Việt	Trình	06/03/93	Nữ	NHSA.08280		2NT	6.50	4.25	5.00	16.00	99.99.00176	07	26-08-2011	- -
603	Lê Thị Hải	Yên	13/12/93	Nữ	KSAA.17698		1	5.00	6.50	4.50	16.00	40.11.01094	07	05-09-2011	- -
114	Đặng Thị Trúc	Giang	20/06/93	Nữ	QSKA.00779		2NT	4.75	5.00	5.75	15.50	35.30.25385	07	31-08-2011	- -
116	Nguyễn Thị Huỳnh	Giang	24/01/93	Nữ	DMSA.18910		2NT	5.25	6.25	4.00	15.50	37.10.00537	07	15-09-2011	- -
121	Nguyễn Thái	Hà	12/10/93	Nữ	QHEA.02182		3	5.00	4.25	6.00	15.50	1A.39.02053	07	15-09-2011	- -
135	Võ Thị	Hải	10/05/92	Nữ	KSAA.09578		3	4.75	6.25	4.50	15.50	98.21.00156	07	15-09-2011	- -
149	Hoàng Thị Thu	Hiên	20/04/93	Nữ	NHSA.02210		2NT	5.00	5.75	4.50	15.50	30.30.00668	07	29-08-2011	- -
212	Phạm Thị	Huyền	30/10/93	Nữ	KSAA.17889		2	4.50	5.50	5.25	15.50	48.53.01123	07	26-08-2011	- -
260	Đỗ Thị Tô	Loan	20/03/93	Nữ	QSKA.01806		1	6.75	5.50	3.00	15.50	40.02.00015	07	14-09-2011	- -
306	Tô Thị	Nga	24/07/93	Nữ	QSKA.02112		2NT	5.50	5.75	4.25	15.50	28.65.00664	07	26-08-2011	- -
411	Nguyễn Ngọc	Tài	28/10/93		KSAA.11182		2NT	5.75	4.75	4.75	15.50	98.01.00280	07	07-09-2011	- -
476	Nguyễn Thị	Thủy	28/04/93	Nữ	TMAA.26834		2	4.75	6.00	4.50	15.50	25.06.00383	07	25-08-2011	- -
18	Nguyễn Thảo	Anh	16/08/93	Nữ	NHSA.09918		2	4.75	5.00	5.25	15.00	35.50.38316	07	25-08-2011	09-09-2011
87	Ngô Thị	Dung	09/10/93	Nữ	TMAA.03725		2NT	5.75	5.25	3.75	15.00	28.63.01895	07	25-08-2011	- -

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
91	Trần Thị Dung	20/02/93	Nữ	GHAA.01823		2NT	5.50	5.50	4.00	15.00	25.45.01498	07	01-09-2011	- -
110	Ta Thị Hồng	08/03/93	Nữ	DTTA.01907		2	3.00	6.00	5.75	15.00	35.15.04903	07	11-09-2011	- -
203	Trần Phạm Thuỳ	14/12/93	Nữ	GHAA.06127		2	3.75	6.25	5.00	15.00	21.16.00009	07	15-09-2011	- -
204	Vũ Thị Lan	05/10/93	Nữ	KSAA.03821		2	4.50	5.50	4.75	15.00	52.01.00016	07	25-08-2011	10-09-2011
249	Lê Thị Linh	02/05/93	Nữ	TMAA.14540		2NT	5.50	5.75	3.50	15.00	28.75.02316	07	26-08-2011	- -
252	Phạm Thị Linh	03/04/93	Nữ	DCNA.01171		2NT	5.50	5.25	4.00	15.00	30.19.00095	07	26-08-2011	- -
305	Nguyễn Thị Thúy	20/10/93	Nữ	KSAA.16425		2NT	5.75	4.00	5.00	15.00	30.07.00902	07	06-09-2011	- -
350	Võ Thị Oanh	10/11/93	Nữ	GHAA.21348		2NT	4.00	6.50	4.50	15.00	30.16.00101	07	29-08-2011	- -
372	Nguyễn Thị Phương	30/11/91	Nữ	DDQA.39765		2	4.00	6.50	4.25	15.00	31.01.18808	07	10-09-2011	- -
461	Hồ Thị Hoài	25/05/93	Nữ	KSAA.17931		2NT	4.50	6.00	4.50	15.00	30.32.01130	07	29-08-2011	- -
462	Nguyễn Quỳnh	27/07/93	Nữ	TMAA.26075		2	5.75	4.50	4.50	15.00	28.34.01207	07	15-09-2011	- -
499	Đặng Thị Quỳnh	08/06/93	Nữ	GHAA.21939		2	4.00	5.75	5.00	15.00	29.02.00542	07	14-09-2011	- -
500	Lê Anh Thuỳ	06/12/93	Nữ	DDQA.43494		2	4.50	5.75	4.50	15.00	32.16.24024	07	05-09-2011	- -
506	Trần Thị Thu	11/02/92	Nữ	QSKA.03798		3	4.50	5.50	4.75	15.00	99.99.00449	07	05-09-2011	- -
507	Trần Thị Thùy	10/03/93	Nữ	DTTA.13796		2	4.00	5.50	5.50	15.00	52.01.00044	07	25-08-2011	- -
548	Ngô Anh Tuấn	01/01/93		KHAA.15547		3	4.75	5.50	4.50	15.00	1A.19.00707	07	25-08-2011	- -
28	Đỗ Thị ánh	02/05/93	Nữ	DCNA.04704		2NT	4.75	6.75	3.00	14.50	28.87.00097	07	25-08-2011	- -
109	Nguyễn Thị Thu	20/01/93	Nữ	QSKA.04847		2	5.50	4.75	4.00	14.50	35.15.05675	07	26-08-2011	- -
211	Bùi Thị Huyền	20/09/93	Nữ	GHAA.05361		2NT	4.75	4.75	4.75	14.50	25.21.00472	07	27-08-2011	- -
233	Đào Thị Khuyên	01/03/93	Nữ	GHAA.06431		2NT	3.75	5.25	5.50	14.50	28.59.00246	07	05-09-2011	- -
303	Huỳnh Thị Kiều	15/05/93	Nữ	QSKA.02110		1	5.75	4.75	4.00	14.50	40.08.01582	07	06-09-2011	- -
341	Phan Thị Hồng	10/01/93	Nữ	DQNA.08136		2NT	5.25	4.50	4.50	14.50	35.27.01444	07	27-08-2011	- -
392	Nguyễn Thị Quỳnh	02/09/93	Nữ	KSAA.17213		2NT	4.75	4.50	5.25	14.50	28.68.01020	07	06-09-2011	- -
463	Trần Thị Diệu	28/09/93	Nữ	DMSA.13330		2NT	3.75	5.25	5.25	14.50	30.32.01031	07	31-08-2011	- -
504	Trần Thị Trang	02/07/93	Nữ	HUIA.33411		2NT	6.25	4.50	3.75	14.50	29.94.00322	07	14-09-2011	- -
563	Đặng Hải Tùng	17/01/93		DDKA.16722		2	3.25	4.25	7.00	14.50	31.02.16674	07	29-08-2011	- -
604	Lê Thị Hải Yên	04/09/92	Nữ	QSBA.09115		2	2.75	6.25	5.25	14.50	98.98.00382	07	14-09-2011	- -
71	Phạm Thị Hồng	30/01/93	Nữ	DMSA.01542		3	3.75	5.50	4.50	14.00	02.13.00006	07	30-08-2011	- -
140	Nguyễn Thị Thúy Hằng	09/06/93	Nữ	DDQA.33331		1	4.50	4.50	5.00	14.00	37.27.51906	07	14-09-2011	- -
142	Trương Thị Mỹ Hằng	21/08/92	Nữ	TMAA.35605		2NT	6.75	4.00	3.25	14.00	29.60.01282	07	26-08-2011	10-09-2011
147	Đào Thị Kim Hiền	21/02/93	Nữ	KSAA.22536		2	5.25	5.00	3.75	14.00	35.15.05320	07	26-08-2011	10-09-2011
187	Nguyễn Thị Hồng	20/09/93	Nữ	GHAA.20786		2NT	6.25	3.75	3.75	14.00	29.54.00334	07	29-08-2011	- -
255	Trần Duy Linh	23/01/93		DMSA.06425		1	3.50	5.00	5.50	14.00	43.11.00032	07	25-08-2011	- -
279	Dương Thị Mai	18/10/93	Nữ	TMAA.16809		2NT	4.25	5.25	4.50	14.00	18.26.00735	07	26-08-2011	- -
323	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/05/92	Nữ	KSAA.12195		2NT	3.50	6.00	4.50	14.00	29.77.00370	07	03-09-2011	- -
328	Đặng Thị Thanh Nhân	02/10/93	Nữ	DMSA.08903		1	5.00	4.50	4.50	14.00	47.19.00006	07	26-08-2011	- -
365	Nguyễn Thị Phương	21/01/92	Nữ	DDLA.11769		2NT	4.25	5.25	4.50	14.00	30.12.00111	07	09-09-2011	- -
393	Nguyễn Thị Sâm	10/10/93	Nữ	KSAA.09893		1	4.00	4.50	5.50	14.00	29.32.00178	07	01-09-2011	- -

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
441	Trần Đặng Thị Thanh Thảo	01/12/93	Nữ	GHAA.11107		2	3.75	5.75	4.50	14.00	25.03.01949	07	25-08-2011	- -
472	Trần Thị Thuý	20/11/93	Nữ	QSKA.03506		2NT	5.50	4.50	4.00	14.00	29.56.00002	07	29-08-2011	- -
475	Lê Thị Thủy	19/12/93	Nữ	TMAA.37169		1	5.25	4.75	3.75	14.00	29.32.00862	07	27-08-2011	- -
477	Vũ Thị Thu	15/09/93	Nữ	DMSA.13712		2NT	4.50	5.25	4.25	14.00	35.30.24705	07	26-08-2011	- -
532	Nguyễn Anh Tú	25/09/93		KSAA.11875		1	3.75	5.25	4.75	14.00	40.24.00342	07	29-08-2011	- -
123	Nguyễn Thị Hà	01/07/93	Nữ	QSKA.00850		1	3.00	5.50	4.75	13.50	42.18.00007	07	26-08-2011	09-09-2011
137	Lâm Thúy Hằng	25/11/93	Nữ	DMSA.18995		2	2.50	5.25	5.50	13.50	37.04.00320	07	30-08-2011	- -
167	Nguyễn Thị Hoài	21/12/93	Nữ	QSKA.01151		2NT	3.50	4.50	5.50	13.50	29.79.00849	07	07-09-2011	- -
245	Lê Thị Quỳnh Liên	22/02/92	Nữ	MBSA.04754		1	4.75	4.25	4.50	13.50	99.99.00647	07	08-09-2011	- -
307	Vũ Thị Nguyệt Nga	27/12/93	Nữ	TMAA.18337		2NT	5.50	4.50	3.50	13.50	25.16.00462	07	25-08-2011	- -
429	Trần Thị Thanh	11/03/92	Nữ	NHSA.06389		1	4.00	4.50	5.00	13.50	99.99.00300	07	01-09-2011	- -
464	Ngô Thị Kim Thư	28/11/93	Nữ	NHSA.07527		1	4.50	4.50	4.25	13.50	48.29.00458	07	25-08-2011	- -
473	Dương Thị Thúy	20/05/93	Nữ	DMSA.13508		1	3.75	5.00	4.50	13.50	40.60.00879	07	05-09-2011	- -
111	Trần Thị Duyên	04/05/93	Nữ	GHAA.01980		2NT	5.25	3.50	4.25	13.00	25.45.01492	07	25-08-2011	- -
226	Nguyễn Ngọc Khánh	29/01/93		DDKA.06395		1	5.25	4.50	3.00	13.00	30.02.12044	07	30-08-2011	- -
382	Đinh Thị Ngọc Quý	20/10/93	Nữ	HUIA.24861		1	3.75	3.75	5.50	13.00	30.27.00747	07	05-09-2011	- -
482	Nguyễn Văn Tiên	15/07/93		DDKA.14694		2NT	5.00	4.25	3.50	13.00	37.15.51560	07	29-08-2011	- -
518	Nguyễn Trung	06/08/93		DMSA.20321		1	3.00	6.00	4.00	13.00	38.24.00765	07	15-09-2011	- -
36	Đỗ Ngọc Bích	09/10/93	Nữ	GHAA.00908		2NT	5.00	4.75	2.50	12.50	22.16.00298	07	26-08-2011	- -
239	Nguyễn Thị Lam	21/09/93	Nữ	NHSA.03281		1	3.00	4.00	5.25	12.50	29.45.00550	07	05-09-2011	- -
342	Đỗ Quỳnh Như	26/09/93	Nữ	DMSA.19661		1	2.50	6.00	3.75	12.50	38.13.00201	07	25-08-2011	- -
439	Nguyễn Thị Thảo	20/09/93	Nữ	DDQA.41602		1	3.00	4.50	4.75	12.50	38.02.53433	07	26-08-2011	- -
455	Võ Thị Kim Thoa	05/05/93	Nữ	MBSA.15518		1	3.25	5.25	3.75	12.50	37.23.00481	07	09-09-2011	- -
136	Đoàn Thị Hằng	21/06/93	Nữ	GHAA.20606		1	3.75	4.50	3.50	12.00	30.51.00091	07	26-08-2011	- -
503	Trần Mộng Thùy Trang	09/03/93	Nữ	KSAA.16459		1	3.50	5.25	3.25	12.00	42.49.00904	07	31-08-2011	- -
315	Trần Anh Ngoan	02/01/90		SPKA.14638	03	2	3.50	5.00	3.00	11.50	39.17.00195	07	07-09-2011	- -
502	Trần Huyền Trang	26/01/93	Nữ	GHAA.12861		3	5.25	6.50	3.50	15.50	1A.26.00244	08	07-09-2011	- -
546	Cao Huy Anh Tuấn	09/11/93		KSAA.04586		2NT	6.00	4.50	5.00	15.50	52.08.00022	08	25-08-2011	- -
19	Nguyễn Thảo Anh	16/08/93	Nữ	NHSA.09918		2	4.75	5.00	5.25	15.00	35.50.38316	08	14-09-2011	- -
205	Vũ Thị Lan Hương	05/10/93	Nữ	KSAA.03821		2	4.50	5.50	4.75	15.00	52.01.00016	08	15-09-2011	- -
30	Nguyễn Văn Ba	11/04/89		KSAA.14403		2NT	6.50	4.75	3.00	14.50	99.99.00621	08	09-09-2011	- -
56	Nguyễn Duy Cường	10/10/92		KTSA.00165		2NT	6.00	4.50	4.00	14.50	41.00.00399	08	15-09-2011	- -
139	Nguyễn Thị Hằng	16/11/93	Nữ	KSAA.09639		2NT	5.50	4.75	4.25	14.50	29.30.00160	08	07-09-2011	- -
280	Dương Thị Xuân Mai	27/07/93	Nữ	NHSA.03988		3	4.50	4.75	5.25	14.50	02.57.00037	08	06-09-2011	- -
329	Trần Thị Thanh Nhân	20/09/93	Nữ	TMAA.19726		2NT	3.25	5.25	5.75	14.50	27.72.00704	08	01-09-2011	- -
344	Phạm Thị Nhung	08/11/92	Nữ	KSAA.18557		2NT	6.00	5.25	3.00	14.50	28.15.01403	08	15-09-2011	- -
416	Nguyễn Minh Tân	12/08/92		CSSA.03386		2	4.50	5.00	4.75	14.50	39.02.04239	08	06-09-2011	- -
433	Nguyễn Thái Thành	20/04/93		QSKA.05385		2	5.00	4.50	4.75	14.50	39.01.00208	08	15-09-2011	- -

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
443	Trần Võ Minh	Thảo	06/10/92		DMSA.12686		2NT	4.50	5.00	4.75	14.50	53.10.00046	08	13-09-2011	- -
489	Nguyễn Thị Thương	Tín	22/08/93	Nữ	NHSA.10785		2NT	5.25	4.25	4.75	14.50	34.42.02318	08	26-08-2011	- -
539	Trần Lê Thanh	Tú	20/05/93		KSAA.16009		2	4.00	4.00	6.50	14.50	02.S2.00840	08	12-09-2011	- -
600	Đặng Vũ Thanh	Xuân	20/05/93	Nữ	DMSA.18613		2	2.75	6.50	5.25	14.50	59.02.08044	08	15-09-2011	- -
52	Vũ Thị	Cúc	12/06/93	Nữ	LPHA.03846		2NT	2.25	6.00	5.50	14.00	28.70.00500	08	25-08-2011	- -
101	Phạm Tiên	Đương	14/04/93		GTSA.12866		2	5.00	5.50	3.25	14.00	02.59.00005	08	08-09-2011	- -
125	Nguyễn Việt	Hà	27/02/93	Nữ	QSKA.00838		2	3.25	4.50	6.00	14.00	52.01.00059	08	05-09-2011	- -
148	Đào Thị Kim	Hiên	21/02/93	Nữ	KSAA.22536		2	5.25	5.00	3.75	14.00	35.15.05320	08	10-09-2011	- -
325	Trần Phúc	Ngôn	23/02/93		GTSA.04559		2	3.75	5.50	4.50	14.00	47.01.00003	08	13-09-2011	- -
495	Lê Hà Bảo	Trần	31/10/93	Nữ	LPSA.02805		2	4.00	6.00	3.75	14.00	49.02.00005	08	15-09-2011	- -
497	Bùi Thị Thùy	Trang	13/06/93	Nữ	KSAA.20621		1	5.00	4.25	4.50	14.00	39.37.00052	08	12-09-2011	- -
20	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/10/93	Nữ	QSTA.03629		2NT	4.50	4.25	4.50	13.50	99.99.00007	08	14-09-2011	- -
74	Phạm Thị	Điệp	25/03/93	Nữ	MBSA.02018		2NT	3.00	4.50	6.00	13.50	35.22.14925	08	30-08-2011	- -
171	Ngô Thị	Hoàn	26/06/93	Nữ	QSTA.04030		2NT	5.00	4.75	3.75	13.50	28.68.00989	08	09-09-2011	- -
183	Trần Tiên	Hoàng	18/10/93		SGDA.04184		2NT	5.00	3.50	4.75	13.50	25.44.03466	08	06-09-2011	- -
478	Nguyễn Văn	Thuyết	24/08/93		GHAA.21843		2NT	5.25	4.50	3.75	13.50	29.56.00012	08	07-09-2011	- -
530	Trần Quang	Trưởng	20/06/93		ANHA.01419		2NT	4.25	5.50	3.75	13.50	37.00.00449	08	06-09-2011	- -
540	Trần Văn	Tú	14/02/92		KSAA.08185		2NT	3.00	6.00	4.50	13.50	99.99.00095	08	29-08-2011	- -
51	Lương Thị Kim	Cúc	08/01/93	Nữ	NHSA.00737		2	3.50	4.75	4.75	13.00	52.01.00055	08	14-09-2011	- -
106	Nguyễn Thành	Duy	25/07/93		GHAA.01906		2NT	4.75	4.00	4.25	13.00	25.62.03946	08	25-08-2011	- -
120	Lê Thị	Hà	22/07/93	Nữ	GTSA.12255		2NT	4.75	4.50	3.75	13.00	99.99.00790	08	15-09-2011	- -
190	Trần Thị	Huệ	27/09/93	Nữ	KSAA.17283		1	3.75	5.00	4.25	13.00	40.11.01039	08	12-09-2011	- -
349	Tạ Thị Kiều	Oanh	01/05/93	Nữ	DMSA.09923		2	4.00	5.50	3.50	13.00	48.03.00077	08	15-09-2011	- -
521	Nguyễn Hữu	Trung	10/01/92		MBSA.11601		2NT	4.00	5.50	3.25	13.00	99.99.00315	08	05-09-2011	- -
598	Nguyễn Thị Thảo	Vy	05/07/93	Nữ	DTTA.16198		1	4.25	5.00	3.50	13.00	43.16.00254	08	30-08-2011	- -
176	Lê Thị	Hoàng	10/02/92	Nữ	MBSA.03323		1	3.25	5.00	4.00	12.50	99.99.00644	08	14-09-2011	- -
202	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/04/93	Nữ	MBSA.04114		1	2.75	5.00	4.50	12.50	63.06.00539	08	15-09-2011	- -
238	Nguyễn Thị Thu	Lài	07/04/93	Nữ	SPKA.04891		1	4.50	4.25	3.50	12.50	43.13.00679	08	01-09-2011	- -
414	Hồ Duy	Tân	05/07/92		QSBA.06336		1	3.00	4.25	5.00	12.50	63.04.00001	08	13-09-2011	- -
456	Nguyễn Thị Kim	Thom	10/02/93	Nữ	GTSA.11800		2NT	3.50	4.25	4.50	12.50	41.10.00331	08	05-09-2011	- -
468	Hồ Thị	Thương	13/02/93	Nữ	MBSA.10452		2NT	4.25	3.50	4.50	12.50	31.27.00423	08	01-09-2011	- -
505	Trần Thị	Trang	02/03/93	Nữ	LPSA.03722		1	4.00	4.75	3.75	12.50	38.34.00321	08	29-08-2011	- -
577	Nguyễn Hoàng	Việt	17/01/92		QSKA.04374		2NT	3.75	3.50	5.00	12.50	99.99.00016	08	12-09-2011	- -
160	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	10/10/93	Nữ	DCNA.00778	06	1	4.50	3.25	4.25	12.00	29.32.00994	08	03-09-2011	- -
244	Lý Tài	Lập	19/02/93		QSKA.01634		1	3.75	5.00	3.25	12.00	42.27.00284	08	12-09-2011	- -
469	Nguyễn Thị Huy	Thương	10/07/93	Nữ	DTTA.18292	06	2NT	4.50	3.25	3.50	11.50	37.33.01730	08	13-09-2011	- -
515	Trần Văn	Trọng	31/07/92		NTSA.00908		1	3.75	3.75	3.75	11.50	98.14.00012	08	13-09-2011	- -
572	Lê Thị ánh	Tuyết	12/08/93	Nữ	QHEA.09365		2	6.75	3.50	6.25	16.50	28.34.11034	09	30-08-2011	- -

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
102	Hà Hải	Đường		GHAA.02994		2	6.00	5.50	4.00	15.50	15.05.08997	09	28-08-2011	- -
370	Vũ Huyền	Phuong	Nữ	HTCA.07159		1	5.25	5.50	4.75	15.50	27.21.00574	09	15-09-2011	- -
4	Nguyễn Quý	An		CSHA.00013		2	5.00	6.25	3.50	15.00	24.00.00065	09	25-08-2011	- -
83	Lưu Chung	Đức		GHAA.03091		2	6.25	4.00	4.50	15.00	28.01.00013	09	15-09-2011	- -
418	Nguyễn Trọng	Tân		GHAA.10674		2	4.75	5.00	5.25	15.00	25.03.01937	09	15-09-2011	- -
483	Phạm Xuân	Tiên		KSAA.10680		1	4.00	5.25	5.50	15.00	98.01.00237	09	15-09-2011	- -
519	Nguyễn Hoàng	Trung		GHAA.13124		2NT	4.75	5.00	5.25	15.00	27.04.00155	09	30-08-2011	- -
124	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	GHAA.20541		2	5.25	4.75	4.50	14.50	29.03.00377	09	25-08-2011	- -
144	Lê Trọng	Hành		GHAA.20547		2NT	3.50	4.50	6.50	14.50	30.15.00209	09	07-09-2011	- -
151	Dương Quốc	Hiếu		GHAA.20649		2	4.00	5.00	5.25	14.50	29.02.00573	09	15-09-2011	- -
247	Đinh Thị	Linh	Nữ	TMAA.15365		2NT	4.75	5.25	4.50	14.50	25.77.02251	09	15-09-2011	- -
256	Trần Mạnh	Linh		GHAA.07071		2NT	5.50	4.00	4.75	14.50	18.32.00317	09	12-09-2011	- -
265	Lê Thành	Long		GHAA.07210		2	3.00	5.50	5.75	14.50	28.30.01444	09	15-09-2011	- -
452	Hoàng Thị	Thơ	Nữ	DTTA.12454		1	4.25	5.25	5.00	14.50	42.49.00193	09	25-08-2011	06-09-2011
517	Vân Thị Thu	Trúc	Nữ	KSAA.21406		2NT	5.00	4.50	5.00	14.50	37.11.00341	09	12-09-2011	- -
531	Chu Anh	Tú		GHAA.22144		2	3.50	6.50	4.50	14.50	29.07.00457	09	13-09-2011	- -
588	Lê Việt	Vũ		DMSA.17174	06	3	4.25	6.00	4.00	14.50	02.S2.00038	09	12-09-2011	- -
143	Trương Thị Mỹ	Hằng	Nữ	TMAA.35605		2NT	6.75	4.00	3.25	14.00	29.60.01282	09	10-09-2011	- -
180	Nguyễn Đình	Hoàng		GTSA.04078		2NT	4.50	3.75	5.50	14.00	30.14.00883	09	09-09-2011	- -
268	Nguyễn Văn	Luân		GHAA.07413		2NT	5.50	4.25	4.25	14.00	25.66.00507	09	14-09-2011	- -
287	Đào Quang	Minh		CSHA.01861		3	4.25	5.50	4.25	14.00	03.00.00012	09	15-09-2011	- -
474	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	QSKA.03532		2NT	4.25	4.50	5.25	14.00	29.34.00601	09	29-08-2011	- -
184	Võ Sỹ	Hoàng		GTSA.15412		1	4.00	5.00	4.50	13.50	38.05.00329	09	01-09-2011	- -
225	Nguyễn Hữu	Khánh		GHAA.06294		2NT	4.50	5.25	3.75	13.50	25.75.08046	09	29-08-2011	- -
368	Thân Thị Thu	Phuong	Nữ	QSTA.00816		1	4.75	3.25	5.25	13.50	43.08.00096	09	25-08-2011	- -
371	Mai Thị	Phuong	Nữ	HHAA.08546		2NT	6.00	4.00	3.25	13.50	28.79.00333	09	05-09-2011	- -
128	Nguyễn Hồng	Hải		GHAA.03729		1	7.75	3.50	1.75	13.00	21.18.00015	09	30-08-2011	- -
178	Mai Bá Minh	Hoàng		KSAA.13658		1	3.25	4.50	5.25	13.00	40.49.00524	09	15-09-2011	- -
200	Mai Đình	Hưng		DDLA.04429		2NT	5.00	4.75	3.25	13.00	25.75.00838	09	11-09-2011	- -
222	Bùi Trọng	Khánh		CSHA.01472	01	2	3.50	4.25	5.00	13.00	21.00.00022	09	14-09-2011	- -
321	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	GTSA.16525		2NT	4.50	4.25	4.00	13.00	35.03.01224	09	14-09-2011	- -
366	Nguyễn Thị Thảo	Phuong	Nữ	GTSA.13123		2	3.25	5.25	4.25	13.00	52.04.00013	09	15-09-2011	- -
457	Ninh Thị	Thom	Nữ	GHAA.12270		2NT	5.00	4.50	3.50	13.00	25.34.03057	09	09-09-2011	- -
533	Nguyễn Minh	Tú		GHAA.14285	06	3	2.75	5.50	4.50	13.00	99.99.00463	09	13-09-2011	- -
27	Vương Tuấn	Anh	Nữ	GHAA.20112		2NT	4.00	4.75	3.75	12.50	29.21.00390	09	13-09-2011	- -
40	Võ Thanh	Bình		GTSA.07791		1	2.75	5.25	4.50	12.50	47.26.00010	09	08-09-2011	- -
230	Nguyễn Kiệt Thùy	Khoa		GTSA.08413		2NT	2.25	5.50	4.50	12.50	44.24.00006	09	05-09-2011	- -
234	Nguyễn Văn	Kiểm		QSBA.03525		1	5.00	3.75	3.50	12.50	99.99.00447	09	10-09-2011	- -

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số báo danh	Đối tượng	Khu vực	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm	Số TT hồ sơ	ĐKXT ngành	Ngày nhận hồ sơ ĐKXT	Ngày trả hồ sơ ĐKXT
426	Lê Thị Thanh	30/01/93	Nữ	SGDA.11873		1	3.75	3.75	4.75	12.50	44.09.00005	09	15-09-2011	- -
567	Trần Quang Tường	10/08/91		GTSA.12768		2NT	3.00	4.50	4.75	12.50	99.99.00840	09	12-09-2011	- -
77	Lê Mạnh Doanh	25/05/91		KTSA.00184		1	2.50	6.25	3.00	12.00	99.99.00522	09	09-09-2011	- -
568	Hoàng Văn Tuyên	01/03/93		CSSA.04443		1	4.25	3.75	3.75	12.00	40.02.04592	09	12-09-2011	- -
<b>Tổng số hồ sơ đăng ký xét tuyển 604</b>														
<b>Tổng số thí sinh đã rút hồ sơ 48</b>														
<b>Tổng số hồ sơ còn lại 556</b>														